01/08/2004
Cập nhật 22/09/2010
01/11/2012

HUỲNH THẾ DU
JOSEPH THAM
NGUYỄN XUÂN THÀNH

LIÊN DOANH THÉP AN NHƠN

Mở đầu

Ông Lê Tân, một chuyên gia tư vấn kinh tế với nhiều năm kinh nghiệm trong ngành thép đang suy xét lại những ý tưởng và kiến nghị mà các đại biểu đưa ra trong một cuộc hội nghị vừa qua về ngành thép ở Việt Nam. Phản ứng lại mức gia tăng giá thép mạnh mẽ trong thời gian gần đây, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp và Bộ Thương mại đã tổ chức hội nghị với sự tham gia của các nhà sản xuất và tiêu dùng thép và các sản phẩm từ thép của Việt Nam. Hội nghị thảo luận về tác động của những biến động về giá đối với chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia và các giải pháp khắc phục mang tính dài hạn.

Rõ ràng rằng, giá thép tăng lên đã có tác động trực tiếp đến những ngành kinh tế sử dụng thép làm nhập lượng, đặc biệt là xây dựng. Các quan chức chính phủ trung ương hiện còn đang quan ngại tới tác động của việc lên giá tới sự phát triển kinh tế vùng và cả nước.[1] Tổng Công ty Thép Việt Nam (VSC) và Hiệp hội Thép cho rằng chính vì năng lực sản xuất thép nội địa yếu kém và sự phụ thuộc quá nhiều vào phôi thép nhập khẩu, nên biến động giá thế giới mới gây tác động tiêu cực như thế này. Nhà nước cần tiếp tục ưu tiên đầu tư vào ngành thép, đặc biệt là xây dựng nhà máy thép liên hợp. Khi đó, ngành thép nội địa sẽ có khả năng chi phối giá trong nước và giúp Việt Nam tránh được tác động tiêu cực của biến động giá thép toàn cầu.

Các doanh nghiệp xây dựng thì phản bác lại rằng nếu cứ ưu tiên và hỗ trợ đầu tư thì các doanh nghiệp thép không nâng cao được tính cạnh tranh. Trước những cam kết về tự do hóa thương mại theo AFTA và đàm phán gia nhập WTO, việc bảo hộ bằng biện pháp thuế quan sẽ ngày càng trở nên khó khăn. Và ngay cả khi vẫn bảo hộ bất chấp khả năng bị trừng phạt thương mại, thì biện pháp này sẽ làm giá thép nội địa ở mức cao hơn giá thép thế giới, từ đó làm giảm tính cạnh tranh của cả nền kinh tế Việt Nam. Thật không dễ gì cho Chính phủ trong việc giải quyết sự xung đột về quyền lợi giữa nhóm sản xuất và nhóm tiêu dùng thép.

Ông Tân đặc biệt quan tâm tới những chính sách và quy định mới mà Chính phủ sẽ ban hành liên quan tới ngành thép. Cụ thể, ông muốn tìm hiểu xem những chính sách này sẽ tác động như thế nào tới dự án xây dựng Nhà máy Thép An Nhơn tại Tỉnh Bình Định mà ông hiện đang tư vấn. Là nhà

[1] Đầu Tư, Giá nhập khẩu tăng làm giảm tăng trưởng, 08/Mar/2004.

Tình huống này do Huỳnh Thế Du, Joseph Tham và Nguyễn Xuân Thành, giảng viên Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright biên soạn. Các nghiên cứu tình huống của Chương trình Giảng dạy Fulbright được sử dụng làm tài liệu cho thảo luận trên lớp học, chứ không phải để đưa ra khuyến nghị chính sách.

Bản quyền © 2004 Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

tư vấn doanh nghiệp, ông Lê Tân tập trung chủ yếu vào tính vững mạnh về mặt tài chính của Nhà máy An Nhơn. Tuy nhiên, do dự án có sự tham gia của một doanh nghiệp nhà nước địa phương và được tài trợ bởi nợ vay từ hệ thống ngân hàng quốc doanh, ông Tân cũng muốn xem xét các khía cạnh kinh tế của dự án để đảm bảo rằng mình không ủng hộ một dự án mà không làm gia tăng lợi ích cho quốc gia. Nói một cách khác, cần phải phân tích các lợi ích và chi phí xã hội của dự án chứ không chỉ lợi ích và chi phí tài chính vốn không phản ánh toàn bộ lợi ích ròng của dự án đối với quốc gia.

Trong quá trình phân tích dự án, ông Tân đặc biệt lưu ý tới một số vấn đề về môi trường chính sách và hiện trạng ngành thép ở Việt Nam. Thứ nhất, sự mâu thuẫn giữa chính sách thương mại ngày càng mở cửa và chính sách công nghiệp với dòng vốn ngày càng lớn hướng vào khu vực nhà nước ngày càng trở nên rõ nét. Thứ hai, quan điểm của Chính phủ đối với chính sách thuế nhập khẩu thay đổi một cách rất thường xuyên. Thứ ba, triển vọng tương lai của ngành thép trong nước cần được đánh giá một cách nghiêm túc.

Ngành Thép Việt Nam

Trong năm 1991, tổng sản lượng thép của Việt Nam chỉ vào khoảng 149 nghìn tấn, trong khi nhu cầu là 350 nghìn tấn, cao gấp 2,3 lần. Thép nhập khẩu tăng vọt từ con số 324 nghìn tấn năm 1990 lên 1,12 triệu tấn năm 1995. (Xem Phụ lục1.) Mở rộng ngành thép, vì vậy, trở thành ưu tiên hàng đầu trong chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước với mục tiêu là đẩy mạnh sản xuất trong nước để thay thế nhập khẩu. Các sản phẩm thép thành phẩm đều được bảo hộ bằng thuế nhập khẩu cao kết hợp với các biện pháp phi thuế quan. Chương trình tín dụng chỉ định được triển khai để cấp vốn cho các DNNN. Tổng Công ty Thép Việt Nam (VSC) được thành lập vào tháng 4 năm 1995 với các công ty thành viên là những DNNN sản xuất thép lớn trước đây như Công ty Gang Thép Thái Nguyên (TISCO) và Công ty Thép miền Nam (SSC).

Công suất thép cán tăng lên nhanh chóng trong những năm 1995-96 (Phụ lục 2). Với sự bảo hộ bằng thuế nhập khẩu ở mức 30-40% áp dụng đối với các loại thép cán đã sản xuất được ở trong nước, giá thép thành phẩm ở Việt Nam cao hơn 28-33% so với giá thép ở Trung Quốc và Thái Lan. Tuy vậy, nhiều doanh nghiệp thép vẫn bị thua lỗ. Chi phí sản xuất thép cán trung bình ở Việt Nam cao hơn 40-50% mức chi phí ở các nước Đông và Đông Nam Á. Trong cả tập đoàn VSC, chỉ có Công ty Thép miền Nam là doanh nghiệp thép có lợi nhuận ổn định nhất.

Điển hình cho sự kém hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước sản xuất thép là Công ty Thép Đà Nẵng thành lập vào năm 1992 với mục tiêu sản xuất thép phục vụ nhu cầu và thúc đẩy sự phát triển của các ngành khác ở miền Trung. Sự kém hiệu quả xuất phát cả từ quy mô nhỏ lẫn dư thừa lao động. Công ty có hai lò điện hồ quang (EAF) với công suất 1,5 tấn và một máy cán thép cuốn. Năng suất lao động tại Công ty Thép Đà Nẵng cũng thấp hơn so với các DNNN khác và thấp hơn hẳn so với các doanh nghiệp thép liên doanh. Sản lượng thép bình quân một lao động ở Công ty Thép Đà Nẵng là 68 tấn,[2] trong khi ở SSC là 73 tấn, Công ty Liên doanh Vinausteel là 544 tấn, và Công ty Liên doanh Vina Kyoei 1.272 tấn.[3]

Đến năm 1997, Chính phủ phải thi hành biện pháp bảo hộ phi thuế quan dưới hình thức cấm nhập khẩu các loại thép xây dựng đã sản xuất được. Năm 2003, tổng công suất của các nhà máy thép

[2] Năng suất lao động ở Công ty Gang Thép Thái Nguyên với mức 13,4 tấn/lao động còn thấp hơn nhiều

[3] Nozomu Kawabata, The Current Vietnamese Steel and its Challenges, NEU-JICA Bài Thảo luận Số. 6, Dự án hợp tác nghiên cứu NEU-JICA, 2001. Cần phải lưu ý rằng sự chênh lệch rất lớn về năng suất lao động giữa khối DNNN và khối liên doanh là do mức độ tự động hóa cao ở các liên doanh.

đã đạt 4,5 triệu tấn. Bộ Công nghiệp đã chính thức yêu cầu ngưng xây dựng các nhà máy cán thép mới, ngoại trừ các dự án đầu tư đã có trong quy hoạch tổng thể phát triển ngành thép Việt Nam.[4]

Mặc dù có tốc độ tăng trưởng bùng nổ, cơ cấu sản phẩm và quy trình sản xuất thép ở Việt Nam có sự mất cân đối giữa khâu sau với khâu trước, và giữa thép dài với thép dẹt. Trong lĩnh vực thép dài, các nhà máy cán thép bị thừa công suất trong khi thiếu nhà máy sản xuất thép phôi. Sự mất cân đối cung và cầu nội địa ngày càng rõ. Đến 2005, các nhà phân tích dự đoán tổng công suất cán thép sẽ tăng lên 6 triệu tấn, vượt trên mức cầu được dự đoán trong khoảng 3,5-4 triệu tấn. Trong lĩnh vực thép dẹt, công suất nội địa trong những năm qua là bằng không. Nhà máy cán nguội thép dẹt đầu tiên được dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm 2005.

Nhìn lại hoạt động đầu tư của nhà nước vào ngành thép, các chuyên gia kinh tế, trong đó phần lớn là các nhà kinh tế phương Tây, cho rằng cũng như đường và xi măng, thép đã và đang trở thành lĩnh vực "có vấn đề", tạo một gánh nặng to lớn lên ngân sách quốc gia. Lợi thế so sánh của Việt Nam là ở các ngành công nghiệp chế biến thâm dụng lao động, chứ không phải ở những ngành thâm dụng vốn như thép. Hơn thế nữa, lịch sử đã cho thấy Chính phủ Việt Nam đã không mấy thành công trong việc chọn ngành mũi nhọn do các quyết định về kinh tế bị bóp méo mạnh bởi sự vận động của các nhóm quyền lợi và tham nhũng. Với mức bảo hộ hiện tại, các ngành kinh tế sử dụng thép, bao gồm xây dựng và các ngành công nghiệp chế biến hướng vào xuất khẩu, bị tác động xấu do giá thép trong nước cao hơn hẳn giá thép thế giới.

Về dài hạn, chính sách công nghiệp bao gồm bảo hộ thương mại và tín dụng chỉ định sẽ ngày càng mẫu thuẫn với chính sách tự do hóa thương mại. Theo lộ trình của Hiệp định thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT) trong khuôn khổ của AFTA thì mức thuế nhập khẩu đối với các loại thép xây dựng có xuất xứ từ ASEAN (thép thanh và thép cuộn) sẽ được giảm dần từ mức 40% năm 2003 xuống 20% năm 2004, 15% năm 2005-2012, 5% năm 2013-2014 và 0% vào năm 2015. Thuế suất 5% sẽ được áp dụng cho nhập khẩu phôi thép cho đến năm 2012 và sau đó là 0%. Để hỗ trợ việc mở rộng công suất sản xuất thép dẹt, mức thuế suất thuế nhập khẩu đối các loại thép tấm sẽ được nâng lên từ mức 0% đến 15-20% trong giai đoạn 2005-2007 (tức là bắt đầu tư thời điểm mà Nhà máy Phú Mỹ đi vào hoạt động) sau đó giảm xuống 5% trong giai đoạn 2008-2012, rồi 0% từ năm 2013. Song song với việc giảm thuế theo CEPT, mức thuế nhập khẩu thép tối huệ quốc (MFN) áp dụng chung cũng được giảm dần.

Trái với nhận định của các nhà kinh tế phương Tây, nhiều ý kiến trong hệ thống nhà nước, dựa vào kinh nghiệm công nghiệp hóa của các nền kinh tế Đông Á, cho rằng việc bảo hộ và hỗ trợ đầu tư cho Tổng Công ty Thép là cần thiết vì thép là ngành công nghiệp non trẻ, đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn, rủi ro cao và có lợi thế kinh tế theo quy mô. Vào đầu thập niên 60, ngành công nghiệp thép của Hàn Quốc cũng được đánh giá là có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu và mất cân đối giữa luyện thép với cán thép. Hàn Quốc cũng từng hy vọng các tổ chức tài chính quốc tế sẽ tài trợ cho kế hoạch phát triển ngành thép. Tuy nhiên, các công ty tư vấn quốc tế đều nhận định rằng một nhà máy thép liên hợp không có khả năng vững mạnh về tài chính. Ngân hàng Thế giới từ chối cho vay. Chính phủ Nhật Bản ban đầu cũng tuyên bố rằng sức mua của Hàn Quốc còn quá thấp để có thể xây dựng những nhà máy thép hiện đại. Chính phủ Hàn Quốc vẫn quyết định ban hành Luật Xúc tiến Công nghiệp Thép trong nước để hỗ trợ tài chính xây dựng một nhà máy thép liên hợp, mở rộng các nhà máy hiện hữu và mua công nghệ mới. Luật cũng đó quy định các cơ chế giảm thuế và phí đối với

[4] Thời báo Ngân hàng, Ngưng cấp phép các dự án cán thép mới từ năm 2006, tr. 2. 06/2/2004.

điện và các dịch vụ hạ tầng khác phục cho sản xuất thép, trợ giá và cho vay dài hạn với lãi suất ưu đãi cho các đơn vị cung ứng quặng và nguyên liệu thô khác ở trong nước. Công ty thép POSCO ra đời vào năm 1973. Sự kết hợp của cơ chế quản lý vĩ mô tốt và việc đầu tư đồng bộ vào các ngành công nghiệp sử dụng thép đã tạo đà cho ngành thép phát triển. POSCO trở thành công ty thép hiệu quả nhất trên thế giới.[5]

Nhiều chuyên gia của Bộ Công nghiệp cho rằng một minh chứng cho việc Việt Nam trong thập niên 2000 đang lặp lại sự thành công của ngành thép Hàn Quốc trong thập niên 70 là việc đưa vào hoạt động theo dự kiến hai nhà máy thép, một sản xuất thép dài và một sản xuất thép dẹt vào cuối 2005 - đầu 2006. Đây là những nhà máy có cơ hội thành công nhất xét về quy mô đầu tư, công nghệ, địa điểm và thị trường. Thứ nhất là Nhà máy Thép Phú Mỹ thuộc Công ty Thép miền Nam với tổng giá trị đầu tư 150 triệu USD. Đây là sẽ nhà máy có công nghệ hiện đại nhất ở Việt Nam với công suất luyện 500.000 tấn phôi và 400.000 tấn thép cán. Thứ hai là Công ty Thép Tấm Lá Phú Mỹ cũng thuộc VSC với công suất 405.000 tấn/năm. Đây là nhà máy cán nguội thép dẹt đầu tiên ở Việt Nam. Việc đưa hai nhà máy này thành các nhà sản xuất thép cạnh tranh sẽ là sự kiểm chứng quan trọng về năng lực quản lý kinh doanh của VSC và chứng minh cho sự thành công của chính sách công nghiệp áp dụng đối với ngành thép.

Song song với việc mở rộng các DNNN sản xuất thép và đầu tư mới bằng vốn ngân sách, Chính phủ Việt Nam cũng đưa ra các khuyến khích để huy động vốn nước ngoài vào ngành thép. Bản thân VSC cũng tiến hành liên doanh với một loạt các công ty nước ngoài mà kết quả là sự hình thành của các doanh nghiệp Vina Kyoei, VSC-POSCO, Nasteel Vina, Vinapipe và Vinausteel. Các doanh nghiệp liên doanh ban đầu chỉ tập trung vào sản xuất các sản phẩm thép cán dài, ống thép hàn và thép tấm mạ, chứ không hề đầu tư vào luyện và sản xuất phôi. Mặc dù gặp phải một số bất lợi về giá điện, chi phí vận tải đường bộ và đường biển, hầu hết các doanh nghiệp thép, đặc biệt là liên doanh sản xuất thép cán dài, đều có lãi với tổng lợi nhuận của khu vực này vượt xa tổng lợi nhuận của các DNNN thuộc VSC.

Theo thời gian, các doanh nghiệp với 100% vốn đầu tư nước ngoài cũng được thành lập như như Vinatafong, Pomina và SSE. Môi trường kinh doanh được bảo hộ khỏi cạnh tranh từ bên ngoài cũng khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân trong nước vào ngành thép và điển hình là Thép Hòa Phát, Thép An Việt. (Phụ lục 4 trình bày danh sách các nhà sản xuất thép chính ở Việt Nam.) Bức tranh về cơ cấu thành phần kinh tế trong sản xuất thép đã thay đổi hoàn toàn qua một thập kỷ. Cho đến tận những năm 1994-1995, 85-95% sản lượng thép cán là thuộc về các DNNN. Cho đến năm 2004, các DNNN chiếm 38% sản lượng thép cán, còn các doanh nghiệp có vốn ĐTNN (liên doanh 100% vốn nước ngoài) chiếm 26% và doanh nghiệp tư nhân trong nước chiếm 36%. Điểm đang chú ý nữa là các doanh nghiệp thép ngoài VSC cũng đang mở rộng sản xuất từ thép cán sang thép phôi.

Biến động Giá thép năm 2004

Giá thép toàn cầu đã tăng lên liên tục trong nửa đầu năm 2004. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chóng mặt của Trung Quốc đã tạo áp lực lớn lên giá nguyên vật liệu trong đó có thép. Giá thép xây dựng tăng gấp đôi từ 255 USD/tấn vào tháng 6/2002 lên 511 USD/tấn vào tháng 5/2004. Chi tiết giá các loại thép thành phẩm khác nhau được trình bày trong Phụ lục 5.

[5] Josepth Stern, Ji-hong Kim, Dwight Perkins & Jung-ho Yoo, Industrialization and the State: The Korean Heavy and Chemical Industry Drive, Harvard Institute for International Development, 1991.

Theo xu thế tăng giá thép trên thế giới, giá thép xây dựng trong nước tăng từ 5,5 triệu đồng/tấn tháng 12/2003 lên tới đỉnh điểm vào tháng 4/2004 là 9,2 triệu đồng/tấn. Phụ lục 3 trình bày biến động giá thép cán và thép phôi trong năm 2004. Chịu tác động nặng nề nhất là ngành xây dựng. Nhiều công ty xây dựng đang chịu áp lực lớn về tài chính do do giá thầu xây dựng bị không chế trong khi giá thép đầu vào tăng lên. Hậu quả là hàng loạt công trình xây dựng bị trì hoãn.

Hiệp hội Xây dựng đã chính thức lên tiếng phàn nàn về việc giá thép tăng. Những cáo buộc về hành vi đầu cơ xuất hiện trên các mặt báo khi giá thép nội địa tăng trên 9 triệu đồng/tấn, trong khi giá thép cùng loại ở Thái Lan chỉ tương đương 6,6 triệu đồng/tấn. Báo Đầu tư viết rằng bên cạnh tác động của thị trường toàn cầu, cơn sốt giá thép trong nước còn do tình trang khan hiếm giả tạo và hành vi đầu cơ của các nhà phân phối đang găm hàng để đẩy giá lên.[6]

Phản ứng lại cơn sốt giá, Chính phủ chỉ đạo Tổng Công ty Thép chi phối thị trường để cổ định giá thị trường ở mức 8,1 triệu đồng/tấn nhưng đã không thành công.[7] Trong nỗ lực cuối cùng, Bộ Tài chính quyết định giảm thuế nhập khẩu phôi thép và thép thành phẩm lần lượt từ 10% và 40% xuống còn 3% và 20% vào tháng 2/2004. Không có kết quả, đến tháng 3, Bộ Tài chính quyết định giảm hết thuế nhập khẩu đối với thép xuống 0%. Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng được chỉ đạo nới lỏng kiểm soát đối với hoạt động nhập thép phế phẩm để giúp các nhà sản xuất thép giảm chi phí sản xuất.[8, 9]

Sau hai đợt hạ thuế, cùng với việc giá thép thế giới bắt đầu đi xuống, giá thép nội địa giảm. Nhiều nhà máy thép tuyên bố kinh doanh bị lỗ do phải sử dụng phôi thép tồn nhập với giá đắt vào đầu năm để cán thép với giá đang hạ.[10] Trước sự vận động không ngừng của các công ty thép, Bộ Tài chính quyết định nâng thuế vào giữa tháng 6, nhưng ở mức thấp hơn so với năm 2003. Thuế nhập khẩu phôi thép được nâng lên 5% đối với khu vực ASEAN và 10% đối với MFN. Thuế nhập khẩu thép xây dựng được tăng lên 15% đối với ASEAN và 20% đối với MFN.

Cuộc tranh luận giữa các nhóm quyền lợi khác nhau bao gồm công ty thép, phía tiêu dùng và các cơ quan quản lý nhà nước ngày càng trở nên quyết liệt. Các công ty xây dựng và Bộ Thương mại đưa ý kiến phản đối cơ chế bảo hộ dưới mức thuế quan mới này. Thứ trưởng Bộ Thương mại Phan Thế Ruệ, người trước đây đã ký công văn đề nghị Chính phủ giảm thuế nhập khẩu thép, nói:

> "Các doanh nghiệp nhân cơ hội này [tăng thuế nhập khẩu] để đẩy giá thép lên."

Chống lại mọi đề xuất giảm thuế nhập khẩu trong thời gian tới, ông Phạm Chí Cường, Phó Chủ tịch Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), đáp lại:

> "Rõ ràng, sự gia tăng [giá thép] vẫn không đủ để bù đắp cho chi phí sản xuất của chúng tôi. …[V]iệc giảm thuế suất thuế nhập khẩu tất cả các loại thép xuống 0% đã làm ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các sản phẩm thép trong nước với thép

[6] Đầu Tư, Đầu cơ làm nóng ngành thép, tr. 1, 12/4/2004

[7] Vietnam News, Government eyes fixed steel prices, tr.16, 14/4/2004

[8] Vietnam Investment Review, Wider range of scrap metal to be imported, tr. 5, 12-18/4/2004

[9] Cần lưu ý rằng thép phế có thể gây tác động xấu đến môi trường vì chất thải từ nhá máy thép có thể làm ô nhiễm nguồn nước ở các khu xung quanh.

[10] Với giá 430-480 USD/tấn phối thép nhập khẩu, các nhà sản xuất thép trong nước n1oi rằng họ phải bản thép thành phẩm ở giá 8,1-8,9 triệu đồng/tấn mới hòa vốn.

nhập khẩu trong khi năng lực sản xuất của các công ty thép trong nước vẫn đáp ứng được",”

Đến cuối năm 2004, xu thế tăng giá thép toàn cầu đã đến hồi kết thúc. Theo một số chuyên gia trong ngành và các nhà sản xuất lớn, có ít cơ hội để giá tiếp tục tăng do cầu đã giảm ở Trung Quốc trong khi kinh tế châu Âu vẫn chậm phục hồi. Viện Sắt Thép Quốc tế dự báo rằng mức tiêu dùng toàn cầu của các loại thép thành phẩm sẽ tăng 6,2% hay 53 triệu tấn vào năm 2004 và 4,5% hay 41 triệu tấn vào năm 2005. Mức tăng trưởng có thể được phân chia một cách rõ ràng ở hai khu vực tách biệt, Trung Quốc và phần còn lại của thế giới. Tiêu dùng thép ở Trung Quốc được ước tính sẽ tăng 13,1% hay 31 triệu tấn trong năm 2004 và 10,4% hay 27 triệu tấn trong năm 2005. Trung Quốc đã tăng tỷ trọng của mình trong mức tiêu dùng thép toàn cầu từ 13,5% (87 triệu tấn) năm 1995 lên 30,3% (290 triệu tấn) năm 2005. Tiêu dùng thép ở phần còn lại của thế giới được ước tính sẽ tăng 3,6% (22 triệu tấn) năm 2004 và 2,2% (14 triệu tấn) năm 2005. (Xem Phụ lục 6.)

Chính sự biến động phức tạp của giá thép và tính không chắc chắn trong chính sách thuế nhập khẩu thép đã làm phức tạp hóa việc thẩm định đầu tư nhà máy thép. Ông Lê Tân lại đưa suy nghĩ của mình quay trở về với Tỉnh Bình Định và Dự án Thép An Nhơn.

Tỉnh Bình Định

Bình Định là một tỉnh duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam với dân số trên 1,5 triệu người, cách Hà Nội ở phía Bắc 1.065 km và cách TP.HCM ở phía Nam 680km. Tỉnh có hệ thống giao thông khá đồng bộ với Quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc-Nam xuyên suốt chiều dài của mình, quốc lộ 19 chạy theo hướng Đông-Tây, Sân bay Phù Cát cách Thành phố Quy Nhơn 30 km với các chuyến bay hàng ngày Quy Nhơn-TP.HCM, Cảng biển Quy Nhơn với vùng neo đậu kín gió, cầu cảng và phương tiện đón tàu có trọng tải 30.000 tấn.

Theo báo cáo của UBND tỉnh, Bình Định đã hình thành và phát triển các ngành sản xuất công nghiệp như chế biến nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, may mặc, giày dép xuất khẩu. .. Các ngành này đã được củng cố và gắn kết lại để tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu. Nhiều sản phẩm chất lượng cao như hải súc sản cấp đông, yến sào, đường RS, bia, hàng song mây - mỹ nghệ, đồ mộc dân dụng, đá granite ốp lát, các sản phẩm từ titan, cao su, may mặc, giày dép và dược phẩm. Khoáng sản trên địa bàn tỉnh có đá granite đa sắc màu trữ lượng khoảng 500 triệu m^3, sa khoáng ilmenite, các điểm nước khoáng và quặng vàng sa khoáng.

Triển khai chiến lược phát triển công nghiệp, trong suốt một thập niên 90, Bình Định đã đầu tư xây dựng được một số nhà máy, xí nghiệp sản xuất một số mặt hàng trọng điểm theo chiến lược phát triển chung của cả nước và nằm trong trào lưu của các địa phương thi nhau xin xây dựng nhà máy đường, nhà máy bia, nhà máy sản xuất gạch tuy nen, nhà máy nghiền xi măng, các nhà máy chế biến đá granit, nhà máy chế biến lâm sản (chủ yếu là gỗ), chế biến thủy hải sản xuất khẩu. Có lẽ Bình Định là một ngoại lệ, trong khi các dự án theo các chương trình mía đường, xi năng và gạch tuy nen của các địa phương khác đều thất bại thì Bình Định lại thành công, các doanh nghiệp này đều có thị trường ổn định và làm ăn có lãi. Một trong những yếu tố đem đến thành công cho một số sản phẩm là tỉnh có chỉ thị yêu cầu các doanh nghiệp, công trình xây dựng tại tỉnh phải dùng các mặt hàng gạch, xi măng của các doanh nghiệp trong tỉnh sản xuất được. Ngược lại, mặt hàng chế biến đá Granit thì bị thất bại với hàng sản xuất ra không tiêu thụ được do giá thành sản xuất quá cao.

Với tiềm năng và vị trí địa lý được đánh giá là có nhiều ưu thế, nhưng Bình Định vẫn là một tỉnh dưới trung bình của cả nước xét trên nhiều chỉ tiêu kinh tế khác nhau. GDP bình quân đầu người của Bình Định năm 2003 là dưới 285 USD, thấp hơn mức bình quân cả nước là 501 USD. Trong những năm qua, xuất khẩu tăng bình quân gần 10%/năm. Nhưng do xuất phát điểm thấp nên đến hết năm 2003 kim ngạch mới chỉ đạt 138 triệu USD, bằng 10% mức xuất khẩu tỉnh Bình Dương nơi có dân số chỉ bằng 56%. Bình Định mới chỉ thu hút được 13 dự án ĐTNN với tổng số vốn đăng ký là 44,5 triệu USD (bằng 18% so với FDI riêng trong năm 2003 của Bình Dương).

Từ trước đến nay, UBND Bình Định vẫn do dự trong dùng vốn nhà nước để đầu tư nhà máy thép do rút kinh nghiệm từ những dự án không thành công ở Đà Nẵng và các tỉnh khác. Đến cuối năm 2003, đề xuất liên doanh giữa Công ty Xây lắp Điện An Nhơn và Công ty SR Corp. Ltd. ở Hàn Quốc để xây dựng nhà máy cán thép thu hút được sự chú ý đặc biệt của lãnh đạo tỉnh. Thứ nhất, dự án này sẽ làm tăng tổng số vốn FDI tại địa phương, một chỉ số quan trọng trong tất cả các báo cáo về thành tựu phát triển kinh tế. Thứ hai, kết quả hoạt động khả quan của các liên doanh sản xuất thép ở Việt Nam cho thấy dự án thép ở Bình Định cũng sẽ khả thi nếu có vốn và công nghệ nước ngoài.

Liên doanh Thép An Nhơn

SR Corporation Ltd. là một doanh nghiệp của Hàn Quốc hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất nhập khẩu thiết bị truyền hình cáp, máy móc thiết bị điện, máy móc công nghiệp và xây dựng. Mặc dù cuộc khủng hoảng tài chính ở Đông Á 1997-98 đã lắng dịu đi và nền kinh tế Hàn Quốc đã hồi phục nhanh chóng, SR vẫn gặp nhiều khó khăn về tài chính. Sức ép trước mắt là công ty phải thanh lý nhanh chóng một cơ sở sản xuất, đặc biệt là những tài sản mà không còn tiềm năng sinh lời đáng kể ở Hàn Quốc, để trả nợ vay đến hạn. Nhà máy cán thép nóng với công suất 36.000 tấn/năm là một trong số những tài sản này. Việt Nam, một nền kinh tế đang bước vào thời kỳ công nghiệp mạnh mẽ với nhu cầu thép tăng lên nhanh chóng trở thành thị trường hấp dẫn để SR thanh lý nhà máy thép. Tuy nhiên, thay vì chỉ đơn giản là bán dây chuyền cán thép nóng này, SR lại muốn tìm kiếm một đối tác để đầu tư nhà máy cán thép ở Việt Nam. Dự tính của SR là góp một phần vốn pháp định để thành lập liên doanh, sau đó bán dây chuyền cán thép nóng cho liên doanh này. Đến năm 2003, SR đã tìm được đối tác là Công ty Xây lắp Điện An Nhơn và Công ty Sản xuất Dịch vụ Xuất nhập Khẩu Khoa học Kỹ thuật (SCITECHIMEX).

Công ty Xây lắp Điện An Nhơn là doanh nghiệp nhà nước địa phương thuộc UBND Tỉnh Bình Định. Công ty có vốn điều lệ 5 tỷ đồng (300.000 USD) với chức năng kinh doanh chính là thi công các công trình điện lưới trung và hạ thế. Để đảm bảo là đối tác chiếm tỷ lệ vốn góp chính trong liên doanh, Công ty quyết định góp vào liên doanh quyền sử dụng khu đất diện tích 2 ha cạnh Quốc lộ 19, Huyện An Nhơn, cách Thành phố Quy Nhơn 20 km về hướng Tây Bắc. Đây là sẽ là địa điểm của Nhà máy Thép An Nhơn. Sự thành công của dự án này sẽ đảm bảo cho sự phát triển trong tương lai của Công ty Xây lắp Điện An Nhơn. Bởi vì, nếu vẫn giữ quy mô nhỏ như hiện nay, Công ty có thể sẽ bị buộc phải sáp nhập, bán hay cho thuê trong một tương lai gần theo chương trình đổi mới và sắp xếp lại DNNN địa phương ở Bình Định.[11]

SCITECHIMEX là doanh nghiệp nhà nước có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, với vốn đăng ký 1,9 tỷ đồng (tương đương 130.000 USD). Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của SCHITECHIMEX

[11] Bình Định hiện có khoảng 60 DNNN, chủ yếu là với quy mô nhỏ, tương tự như Công ty Xây lắp Điện An Nhơn. Tỉnh làng phải lên chương trình đổi mới sắp xếp lại hầu hết các DNNN trực thuộc sự quản lý của các sở-ngành của địa phương.

là xuất nhập khẩu trực tiếp máy móc thiết bị và vật tư phục vụ sản xuất, dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và dịch vụ du lịch nội địa. Với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và tư vấn về chuyển giao công nghệ liên quan đến cán thép, SCHITECHIMEX cho rằng mình sẽ góp phần quan trọng trong việc tạo giá trị cho dự án.

Để xoa dịu những quan ngại từ phía chính quyền Tỉnh Bình Định và các đối tác Việt Nam về tình hình tài chính của mình, Công ty SR đã nhiều lần trình bày trực tiếp với các nhà lãnh đạo tỉnh rằng SR là nhà đầu tư nước ngoài, muốn thiết lập hoạt động kinh doanh dài hạn ở Việt Nam. Với kinh nghiệm sẵn có của mình tronh lĩnh vực sản xuất thép cũng như đầu tư ra nước ngoài, cộng với kinh nghiệm của Hàn quốc về phát triển công nghiệp thép, SR tin chắc rằng An Nhơn sẽ là một dự án rất hiệu quả, với thời gian hoàn vốn nhanh. Như để minh chứng cho những lập luận của mình, SR đưa ra một bản nghiên cứu khả thi tóm tắt trong đó thể hiện tính vững mạnh về tài chính của dự án. Về phần mình, SR sẵn sàng góp vốn bằng tiền mặt và chuyển vào tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam khi tín dụng thư (L/C) được mở cho việc nhập khẩu dây chuyền cán thép.

Là dân Bình Định gốc, Lê Tân được Công ty Xây lắp Điện An Nhơn mời làm tư vấn cho quá trình đầu tư xây dựng dự án. Với kinh nghiệm của mình, ông Tân biết rằng một dự án có vốn đầu tư nước ngoài, dù lớn hay nhỏ, cần phải có sự hỗ trợ mạnh mẽ của các sở ban ngành địa phương, không những tối cần thiết cho việc xin các ưu đãi về thuế và vay vốn của các tổ chức tài chính ở Việt Nam mà còn để giải quyết những trục trặc có thể phát sinh trong quá trình đầu tư, đặc biệt là khâu xây dựng và nhập khẩu thiết bị.

Theo tư vấn của ông Tân, Công ty Xây lắp Điện An Nhơn đã vận động cho một cuộc họp giữa phía các sở ban ngành của Tỉnh và các nhà đầu tư trong liên doanh, dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND Tỉnh. Trong cuộc họp này, Phó Chủ tịch UBND Bình Định đã phát biểu:

> "Việc xây dựng nhà máy thép 36.000 tấn năm hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Việc xây dựng các nhà máy sản xuất ra vật liệu cơ bản sẽ giúp tỉnh chủ động hơn trong phát triển kinh tế, góp phần tăng tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP. Đây là chương trình nằm trong định hướng ưu tiên của chính phủ nên việc xin cơ chế cũng như sự hỗ trợ của trung ương sẽ dễ dàng hơn. Tỉnh sẽ hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa để liên doanh triển khai dự án này. Để liên doanh sớm đưa vào hoạt động, yêu cầu các cơ quan chức năng của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp một cách tốt nhất, đặc biệt là các ngân hàng xem xét cho vay vốn để liên doanh thực hiện dự án".

Những lời bình luận ngay từ đầu cuộc họp này đã tạo ra sự thuận lợi vô cùng cho dự án. Các sở Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học, Công nghệ và Môi trường và UBND Huyên An Nhơn đều phát biểu dựa theo ý kiến của Lãnh đạo Tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư:

> "Việc xây dựng dự án này là phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh, với vai trò là cơ quan tham mưu của tỉnh trong định hướng đầu tư phát triển, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các dự án, Sở sẽ làm hết sức mình để giúp nhà đầu tư triển khai dự án theo kế hoạch đề ra."

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

> "Việc thực hiện dự án này là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, tuy nhiên, việc nhập khẩu dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng cần phải thẩm định kỹ, tránh tình trạng mua phải thiết bị lạc hậu, không đồng bộ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc vận hành dự án."

UBND Huyện An Nhơn:

> "Huyện chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc xây dựng nhà máy, với chức năng của mình, Huyện chúng tôi sẽ tạo điều kiện để liên doanh tổ chức đền bù, giải phóng mặt bằng nhanh chóng. Tuy nhiên, do dự án làm trên địa bàn Huyện, vì vậy đề nghị ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương."

Sau quá trình gặp gỡ, bàn bạc và được sự đồng thuận, hỗ trợ của UBND Tỉnh Bình Định và các cơ quan chức năng khác, ba đối tác thống nhất thành lập liên doanh với tên gọi Công ty Liên doanh Thép An Nhơn để xây dựng nhà máy cán thép nóng, công suất 36.000 tấn/năm. Bằng dây chuyền tự động do Hàn Quốc sản xuất, phôi thép được đưa lên nhiệt độ 1.200°C và cán thành thép thành phẩm. Sản phẩm bao gồm thép thanh tròn trơn và tròn gân đường kính 10-20 mm.

Tổng vốn đầu tư cho nhà máy là 3,5 triệu USD theo giá năm 2004. Giá trị quyền sử dụng đất trong tổng vốn đầu tư là 7,85 tỷ VNĐ, tương đương 500.000 USD. Chi phí xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ được ước tính là 3,14 tỷ VNĐ. Giá trị máy móc thiết bị là 2.800.000 USD. Vốn chủ sở hữu của dự án là 1,26 triệu USD, chiếm 36% tổng giá trị đầu tư. Các nhà đầu tư Việt Nam góp 70% vốn đầu tư, tương đương với 882.000 USD. Công ty Xây lắp Điện An Nhơn góp 693.000 USD (55% vốn chủ sở hữu), trong đó bao gồm quyền sử dụng đất. SCITECHIMEX góp 189.000 USD tương ứng với giá trị dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ (15% vốn chủ sở hữu). SR góp 30% vốn chủ sở hữu hay 378.000 USD.

64% giá trị đầu tư còn lại hay 2,24 triệu USD được tài trợ từ vốn vay các ngân hàng thương mại trong nước và Quỹ Đầu tư Phát triển của Tỉnh Bình Định.

Trước khi đưa ra kết luận của mình, ông Lê Tân muốn xây dựng một mô hình tài chính theo các giả định cơ sở để phân tích tính vững mạnh của dự án. Một phân tích kinh tế cũng sẽ hữu ích để có thể vay vốn từ nguồn hỗ trợ phát triển. Thêm vào đó, ông Tân cũng muốn tìm hiểu xem các kết quả phân tích có nhạy cảm với những thay đổi trong các tham số của dự án hay không và đâu là các nguồn rủi ro chính ảnh hưởng đến cả quá trình xây dựng cũng như kết quả hoạt động lâu dài.

Các Giả định của Mô hình Tài chính Cơ sở

Lạm phát và tỷ giá hối đoái

Tỷ lệ lạm phát của USD là 1%/năm, VND là 5%/năm. Tỷ giá hối đoái năm 2004 là 15.700 VND/USD.

Nợ vay

Để tài trợ cho việc nhập khẩu dây chuyền cán thép, Công ty Liên doanh An Nhơn dự kiến vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam 2.000.000 USD với lãi suất 3,5%/năm (tương đương SIBOR 6 tháng + 2,5%) trong vòng 6 năm. Nợ gốc được trả đều hàng năm bắt đầu từ năm thứ nhất.

Khoản vay thứ hai là bằng tiền đồng từ Quỹ Đầu tư Phát triển của Bình Định với giá trị 3,768 tỷ đồng (tương đương 240,000 USD) và lãi suất 7,5%/năm, kỳ hạn 6 năm. Tổng nợ gốc và lãi được trả đều hàng năm trong 6 năm, kể từ năm thứ nhất.

Công suất nhà máy

Dự án sẽ được xây dựng trong năm 2004 và đi vào hoạt động từ đầu năm 2005. Mô hình tài chính được xây dựng trên giả định dự án được vận hành trong 10 năm. Nhà máy có công suất 36.000 tấn/năm khi đi vào hoạt động ổn định từ năm thứ tư trở đi. Tỷ lệ sử dụng công suất trong năm 1, 2 và 3 lần lượt là 65%, 75% và 85%.

Giá thép

Khó khăn lớn nhất mà ông Lê Tân gặp phải khi xây dựng mô hình tài chính là dự báo giá thép thành phẩm trên thị trường nội địa. Quan điểm của ông là giá nội địa sẽ phụ thuộc vào hai yếu tố: giá thế giới và thuế nhập khẩu. Đối với giá thế giới, ông Tân sử dụng dự báo giá của Công ty MEPS International Ltd. vào năm 2005 và giả định giá thép sẽ tăng theo tỷ lệ lạm phát USD từ năm 2006 trở đi. Chi phí vận tải vào bảo hiểm bằng 10% giá thép thế giới (tức là giá CIF bằng 110% giá FOB).

Giá phôi thép (FOB) năm 2005 được dự báo là 350 USD/tấn. Vậy, đối với Công ty An Nhơn, chi phí nhập phôi thép bằng giá CIF cộng với thuế nhập khẩu. Theo lộ trình giảm thuế, thuế suất thuế nhập khẩu đối với phôi thép sẽ được giữ nguyên ở mức 5% cho đến năm 2012 và sau đó là 0%.

Giá thép thanh xây dựng (FOB) năm 2005 được dự báo ở mức 405 USD/tấn. Do được bảo hộ, giá thép xây dựng nội địa (chưa kể thuế VAT 5%) sẽ bằng giá CIF thế giới cộng với thuế nhập khẩu. Lộ trình giảm thuế nhập khẩu đối với thép xây dựng là 15% giai đoạn 2005-2012, 5% 2013-14 và 0% từ năm 2015.

Ngoài nguồn thu từ bán thép, nhà máy còn có thu từ tái chế nguyên liệu. Giá trị ròng tái chế nguyên liệu (sau VAT) bình quân là 3 USD/tấn thép cán sản xuất ra vào năm 2004.

Vốn lưu động

Tồn kho được kế toán theo phương pháp FIFO. Tồn kho thành phẩm cuối năm được giả định ở mức bằng 4,2% sản lượng trong năm. Tồn kho nhập lượng được bỏ qua.

Khoản phải thu (AR) bằng 25% tổng doanh thu có VAT trong cùng năm và khoản phải trả (AP) bằng 30% tổng chi phí sản xuất trực tiếp cũng trong cùng năm.

Cân đối tiền mặt cuối năm bằng 5% tổng doanh thu có VAT của năm tới, trong đó 10% trong két và 90% gửi không kỳ hạn tại ngân hàng với lãi suất 2,4%/năm.

Để tài trợ cho vốn lưu động, Công ty Liên doanh An Nhơn dự kiến vay ngắn hạn VND từ ngân hàng thương mại với lãi suất 8,15%/năm.

Khấu hao và thanh lý tài sản

Ngoại trừ đất đai, tài sản cố định được tính khấu hao đều hàng năm. Theo như quy định của Việt Nam, máy móc thiết bị được khấu hao trong 10 năm và công trình xây dựng trong 20 năm.

Khác với thời gian khấu hao, vòng đời kinh tế của máy móc thiết bị là 15 năm và của nhà xưởng là 30 năm. Giá trị thanh lý của tài sản cố định vào năm thứ 11 được tính dựa trên vòng đời kinh tế của các tài sản và giá quá khứ. Tức là giá trị thanh lý vào năm thứ 11 (2015) bằng giá trị đầu tư vào năm 0

nhân với thời gian kinh tế còn lại và chia cho vòng đời kinh tế của tài sản. Chi phí thanh lý được ước tính bằng 10% giá trị thanh lý.

Đất đai là một tài sản cố định. Khi dự án sử dụng đất đai, thì chi phí mua quyền sử dụng đất là ngân lưu ra trong phân tích tài chính. Tuy nhiên, đất đai không khấu hao và được coi là có vòng đời kinh tế vô tận. Một quy tắc thận trọng trong thẩm định những dự án không thuộc lĩnh vực bất động sản là khi tính giá trị thanh lý, nhà phân tích không tính phần tăng giá trị thực của đất đai theo thời gian mà không phải là do dự án tạo ra vào ngân lưu. Lý do là khi làm như vậy thì ta có thể đi đến kết luận ra quyết định đầu tư không phải hoạt động chính của dự án tạo ra trị ròng dương mà do đất đại tạo giá trị ròng dương. Vì vậy, đối với dự án đang xem xét, giá trị thanh lý của quyền sử dụng đất vào năm 2015 được tính bằng giá trị quyền sử dụng đất đã tính khi góp vốn năm 2004, nhưng điều chỉnh cho lạm phát. Chi phí thanh lý quyền sử dụng đất coi như không có.

Chênh lệch giữa giá trị thanh lý ròng (sau khi trừ đi chi phí thanh lý) và và giá trị tài sản ròng (sau khi trừ khấu hao tích lũy) được coi là lợi nhuận khác và chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%. Theo như giấy phép đầu tư, Công ty Liên doanh An Nhơn được miễn thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế dương và giảm 50% thuế trong 3 năm tiếp theo. Lỗ lũy kế từ những năm trước được chuyển sang các năm sau trong vòng 3 năm. Thuế suất VAT đối với thép thành phẩm bán ở thị trường trong nước là 5%. Thép xuất khẩu được hưởng VAT 0%.

Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất được căn cứ vào chi phí gần đây nhất ở Việt Nam (năm 2004).

	Nhập lượng	Giá/1 đơn vị
Chi phí trực tiếp		
Chi phí bình quân/tấn sản lượng		
Phôi thép	1,053 tấn	-
Dầu	50 lít	3.925 VND
Điện	170 Kwh	785 VND
Nước	0,22 m^3	2.000 VND
Con lăn	1,00	4 USD
Ổ bi	0,011	58 USD
Gạch chịu lửa	0,40 kg	0,2 USD
Nguyên liệu khác		6 USD
Vận tải		1 USD
Chi phí tổng cộng		
Lao động		
+ Số lượng	48 người	
+ Lương (bao gồm cả BHXH)		12 triệu VND/năm
+ Tốc độ tăng lương (không kể lạm phát)		5%/năm
Chi phí gián tiếp tổng cộng		
Quản đốc và kỹ thuật viên		
+ Số lượng	22 người	
+ Lương (bao gồm cả BHXH)		20 triệu VND/năm
+ Tốc độ tăng lương (không kể lạm phát)		5%/năm
Bảo trì		0,8% chi phí trực tiếp
Tiền thuê đất (không đổi theo lạm phát)		15 triệu VND/năm
Phí quản lý		0,5% chi phí trực tiếp
Chi phí khác		0,5% chi phí trực tiếp
Chi phí bán hàng (tiếp thị, hoa hồng,…)		5,0% doanh thu

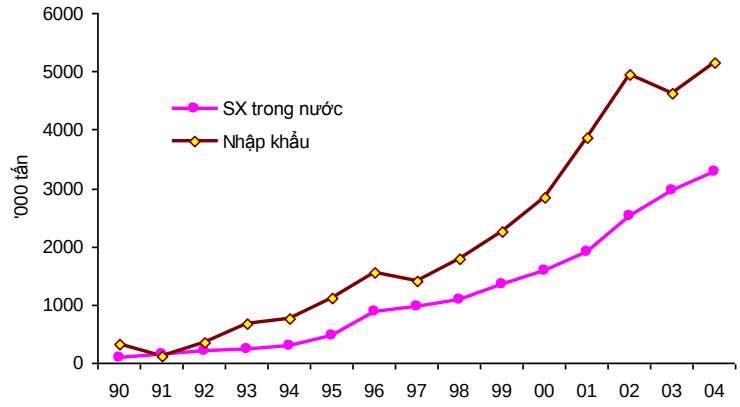
Các căn cứ để xác định suất chiết khấu

Hạng mức tín nhiệm vay nợ của Việt Nam theo đánh giá của Moody's vào năm 2004 là B2. Mức tín nhiệm này tương đương với mức bù rủi ro quốc gia 5,5%.

Đối với một nhà máy cán thép điển hình ở Hoa Kỳ vào năm 2004, hệ số beta (có vay nợ) là 0,81, tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là 17,12%, thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân trong ngành là 20,76%.

Theo số liệu lịch sử cho đến năm 2004, mức bù rủi ro thị trường ở Hoa Kỳ (tức là chênh lệch giữa suất sinh lợi bình quân của doanh mục thị trường và lãi suất phi rủi ro) là 4,84%. Lợi suất trái phiếu kho bạc Hoa Kỳ kỳ hạn 10 năm trong năm 2004 là 4,27%.

Phụ lục 1: Sản lượng thép sản xuất trong nước và nhập khẩu



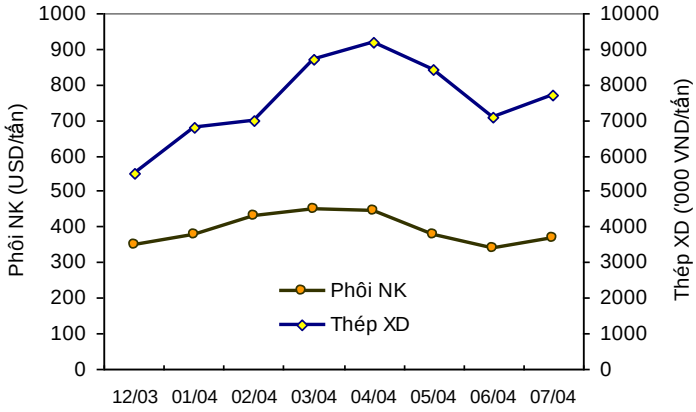
Nguồn: Tổng cục Thống kê, "Niên giám Thống kê Việt Nam", các năm.

Phụ lục 2: Sản lượng thép sản xuất trong nước theo thành phần kinh tế

Năm	Sản lượng thép cán ('000 tấn)				Tốc độ tăng (%/năm)				Cơ cấu (%)		
	Tổng	Nhà nước	Tư nhân	Cố vốn ĐTNN	Tổng	Nhà nước	Tư nhân	Cố vốn ĐTNN	Nhà nước	Tư nhân	Cố vốn ĐTNN
1990	101	-	-	-		-	-	-	-	-	-
1991	149	-	-	-	47,5	-	-	-	-	-	-
1992	196	-	-	-	31,5	-	-	-	-	-	-
1993	243	-	-	-	24,0	-	-	-	-	-	-
1994	279	-	-	-	14,8	-	-	-	-	-	-
1995	470	398	10	62	68,5	-	-	-	84,7	2,1	13,2
1996	868	503	15	350	84,7	26,4	50,0	464,5	57,9	1,7	40,3
1997	978	486	8	484	12,7	-3,4	-46,7	38,3	49,7	0,8	49,5
1998	1.077	504	22	551	10,1	3,7	175,0	13,8	46,8	2,0	51,2
1999	1.357	502	146	709	26,0	-0,4	563,6	28,7	37,0	10,8	52,2
2000	1.583	567	175	841	16,7	12,9	19,9	18,6	35,8	11,1	53,1
2001	1.914	694	305	915	20,9	22,4	74,3	8,8	36,3	15,9	47,8
2002	2.503	796	567	1.140	30,8	14,7	85,9	24,6	31,8	22,7	45,5
2003	2.954	908	1.207	839	18,0	14,1	112,9	-26,4	30,7	40,9	28,4
2004	3.279	1.252	1.187	840	11,0	37,9	-1,7	0,1	38,2	36,2	25,6
2005	3.888	1.440	1.580	868	18,6	15,0	33,1	3,3	37,0	40,6	22,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê, "Niên giám Thống kê Việt Nam", các năm.

Phụ lục 3: Giá phôi thép nhập khẩu và thép xây dựng trên thị trường nội địa



Nguồn: Bộ Thương mại, Tờ Tin Thị trường.

Phụ lục 4: Các nhà sản xuất thép lớn ở Vietnam, năm 2004

TT	Tên	Địa điểm	Công suất (tấn/năm)
1	Công ty Gang thép Thái nguyên	Thái Nguyên	240,000
2	Công ty Thép miền Nam	TP.HCM	460,000
3	Công ty Thép Đà Nẵng	Đà Nẵng	40,000
4	Công ty Kim khí va VTTH miền Trung	Đà Nẵng	20,000
5	Công ty Thép Vinakyoei	Bà Rịa - Vũng Tàu	300,000
6	Công ty Thép VSC-POSCO	Hải Phòng	200,000
7	Công ty Thép Natsteelvina	Thái Nguyên	110,000
8	Công ty Thép Vinasteel	Hải Phòng	180,000
9	Công ty Thép Tây Đô	Cần Thơ	120,000
10	Công ty Vinatafong	Bình Dương	230,000
11	Công ty Thép Nam Đô	Hải Phòng	120,000
12	Nhà máy Cơ khí Cẩm Phả	Quảng Ninh	15,000
13	Công ty Cơ khí Duyên Hải	Hải Phòng	17,000
14	Công ty Thành Đạt	Hải Phòng	20,000
15	Công ty Diesel Sông Công	Thái Nguyên	15,000
16	Công ty Tuyến Năng	Hà Nội	25,000
17	Công ty Vũ Linh	Hà Nội	20,000
18	Công ty Hoàng Lê	Hà Nội	10,000
19	Công ty Beton thép Ninh Bình	Ninh Bình	15,000
20	Công ty Phá dỡ tàu cũ Kỳ Hà	Quảng Nam	25,000

21	Công ty Hồng Châu	TP.HCM	15,000
22	Công ty Đồng Tâm	TP.HCM	30,000
23	Công ty 89 Bộ Quốc Phòng	Hà Nội + TP.HCM	42,000
24	Hợp tác xã Cơ khí Đại Thành	TP.HCM	15,000
25	Công ty Thép Tân Việt Thành	TP.HCM	15,000
26	Công ty Quốc Huy	Bình Dương	15,000
27	Công ty An Hưng Tường	Bình Dương	20,000
28	Công ty Thép Long An	Long An	15,000
29	Công ty Cơ khí Hà Nội	Hà Nội	10,000
30	Làng nghề Đa Hội	Bắc Ninh	190,000
31	Công ty Cổ phần Thép Hải Phòng	Hải Phòng	180,000
32	Công ty Kết cấu thép SSE (VII)	Hải Phòng	200,000
33	Công ty thép An Việt	Bình Dương	200,000
34	Công ty Thép Hòa Phát	Hải Dương	200,000
35	Công ty Thép Sông Đà	Hưng Yên	125,000

Nguồn: Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Phụ lục 5: Giá thép thế giới (USD/Tấn)

Date	Thép cuốn cán nóng	Thép tấm cán nóng	Thép cuốn cán nguội	Thép dây	Thép thanh cốt thép
T06/02	304	302	363	265	255
T07/02	319	312	390	273	264
T08/02	320	313	391	273	264
T09/02	319	318	396	273	263
T10/02	318	316	398	270	257
T11/02	322	318	401	271	255
T12/02	317	318	399	268	255
T01/03	333	327	411	276	263
T02/03	339	333	420	289	275
T03/-03	340	332	424	300	286
T04/03	340	335	426	296	286
T05/03	336	342	425	301	289
T06/03	333	346	425	302	289
T07/03	329	346	421	303	302
T08/03	327	343	418	300	300
T09/03	333	346	420	299	308
T10/03	341	357	430	314	323
T11/03	343	361	427	315	318

T12/03	354	367	434	323	327
T01/04	386	400	474	348	355
T02/04	414	432	501	396	404
T03/04	474	506	563	479	503
T04/04	513	540	596	498	517
T05/04	549	575	614	498	511

Nguồn: MEPS, Giá thép thế giới, http://www.meps.co.uk.

Phụ lục 6: Triển vọng tiêu dùng thép toàn cầu

	Triệu tấn				Tốc độ tăng %/năm			
	2002	2003	2004e	2005e	2002	2003	2004e	2005e
Trung Quốc	186	232	263	290	21.0	25.2	13.1	10.4
Nhật Bản	72	74	74	73	-2.0	2.9	0.3	-1.4
Châu Á khác	142	147	151	155	11.9	3.5	2.6	2.7
EU-15	139	140	143	146	-1.2	0.9	2.3	1.9
Châu Âu khác	38	42	44	45	4.7	11.2	3.9	4.0
Nga & nước CH cũ	30	31	32	33	-3.0	2.7	2.6	2.3
Bắc Mỹ	133	131	139	141	2.3	-1.7	6.0	2.0
Nam Mỹ	27	28	31	33	-3.2	2.2	11.7	5.9
Châu Phi	17	17	18	19	7.0	-1.5	7.3	2.4
Trung Đông	21	22	22	23	10.6	3.0	3.1	3.0
Thế giới	805	864	917	958	6.6	7.3	6.2	4.5

Nguồn: International Iron & Steel Institute (IISI), The Short Range Outlook for 2004 - 2005 for the Apparent Consumption of Finished Steel Products, 30/4/2004